BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT MIỄN HỌC, MIỄN THI HỌC PHẦN
NGÀNH: LUẬT

(Kèm theo Biên bản số:01../BB-LKĐT ngày 19/10/2018 về việc xét miễn học, miễn thi đối với sinh viên hệ ĐTTX)

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nữ	Đã tốt nghiệp	Học phần được miễn
1	LK1832X002	Ngô Văn Chúc	ET1832X1	10/10/1984		ĐH Ngoại thương	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
2	LK1832X003	Lê Thành Công	ET1832X1	01/07/1985		ĐH Quân sự cơ sở	TN033, TN034, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011, KL101
3	LK1832X005	Lê Thị Phước Học	ET1832X1	27/09/1979	N	CĐSP Giáo dục công dân	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
4	LK1832X006	Nguyễn Thị Thu Hương	ET1832X1	28/04/1992	N	CĐ QT văn phòng	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011, KL303
5	LK1832X007	Lê Kim Ngân	ET1832X1	14/10/1994	N	ĐH PTNT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
6	LK1832X009	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	ET1832X1	19/11/1994	N	ĐH Kinh doanh QT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
7	LK1832X012	Trần Thị Ngọc Loan	ET1832X1	01/02/1983	N	ĐH Tài chính NH	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
8	GQ1832X014	Đặng Thị Bích Tuyền	ET1832X1	12/08/1990	N	ĐH CNTT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML009, ML010, ML006, ML011, XH028, SP009, TN011
9	PY1832X015	Lê Mô Y Líp	ET1832X1	08/02/1983		CĐ KT môi trường, TC LLCT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011, KL101, KL328
10	LK1832X016	Nguyễn Văn Triều	ET1832X1	03/02/1975		ĐH SP Ngữ văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011, KL101.
11	LK1832X018	Lưu Quốc Bưu	ET1832X1	09/09/1959		ĐH Báo chí, TCLLCT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011, KL101

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nữ	Đã tốt nghiệp	Học phần được miễn
12	LK1832X019	Nguyễn Ngọc Trang	ET1832X1	20/12/1966		A-Tin học	TN033, TN034
13	LK1832X020	Nguyễn Hiền Nhã	ET1832X1	23/02/1983		ĐH QTKD	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
14	LK1832X022	Nguyễn Quốc Thái	ET1832X1	15/06/1988		ĐH Bệnh học thủy sản	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML009, ML010, ML011, ML006, XH028, SP009, TN011
15	LK1832X024	Nguyễn Ngọc Thanh Ngần	ET1832X1	03/10/1980		ĐH CNTT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML009, ML010, ML006, ML011, XH028, SP009, TN011, KL101
16	LK1832X102	Lê Phúc Đạt	EF1832X1	02/10/1999		CNTT-CB	TN033, TN034
17	LK1832X104	Trịnh Thanh Điền	EF1832X1	16/04/1988		TC Tin học	TN033, TN034, XH023, ML009
18	LK1832X105	Nguyễn Tứ Duy	EF1832X1	28/04/1995		CNTT-CB, B- Anh văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025
19	LK1832X106	Nguyễn Trung Hiếu	EF1832X1	24/07/1995		A- Tin học	TN033, TN034
20	LK1832X107	Dương Hồng Nhi	EF1832X1	00/00/1992	N	TC Quản trị mạng	TN033, TN034, XH023, ML009
21	LK1832X112	Nguyễn Hữu Tài	EF1832X1	26/03/1989		TC LLCT	ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
22	LK1832X113	Nguyễn Thị Thanh Tâm	EF1832X1	12/01/1992	N	A- Tin học, B- Anh văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025
23	LK1832X116	Nguyễn Hoài Thơ	EF1832X1	15/01/1992	N	A- Tin học, C- Anh văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025
24	GQ1832X133	Thị Để	EF1832X1	05/09/1981	N	A-Tin học, TC LLCT	TN033, TN034, ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
25	GQ1832X134	Lê Thanh Đoàn	EF1832X1	26/09/1976		A-Tin học, TC LLCT	TN033, TN034, ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
26	GQ1832X136	Huỳnh Thanh Long	EF1832X1	28/04/1994		A-Tin học, A-Anh văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025
27	GQ1832X137	Phạm Thị Hồng Mãi	EF1832X1	24/07/1984	N	TT LLCT	ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
28	LK1832X154	Trần Thái Phó	EF1832X1	16/10/1988		TC Kế toán	TN033, TN034, XH023, TN011, ML009, ML010
29	PY1832X157	Phan Thị Thu Thảo	EF1832X1	29/07/1994	N	TC QTKD	TN033, TN034, XH023, TN011, ML009, ML010
30	LK1832X158	Lê Phương Minh	EF1832X1	19/02/1999	N	CN ƯDCNTT CB	TN033, TN034
31	VL1832X129	Nguyễn Trí Thanh	EF1832X1	13/07/1990		CN ƯDCNTT CB, B- Anh văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025
32	LK1832X025	Hứa Minh Huệ Liên	ET1832X1	11/04/1991	N	ĐH Thông tin - thư viện (Chưa TN)	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028
33	LK1832X026	Nguyễn Thanh Hương	ET1832X1	25/09/1990	N	ĐH QTKD thương mại	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011
34	LK1832X027	Võ Văn Thường	ET1832X1	16/12/1978		ĐH Kinh tế nông nghiệp, TC LLCT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011, KL101
35	LK1832X028	Nguyễn Thị Thanh Vân	ET1832X1	08/05/1989	N	ĐH Kế toán	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, XH028, SP009, TN011

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Nữ	Đã tốt nghiệp	Học phần được miễn
36	LK1832X029	Lê Thị Nhanh	ET1832X1	21/07/1987	N	ĐH Kế toán	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, TN011, XH028, SP009
37	LK1832X030	Trần Thanh Tùng	ET1832X1	21/02/1982		CĐ Quản trị mạng máy tính	TN033, TN034, XH023, ML009
38	LK1832X031	Trần Tuấn Kiệt	ET1832X1	10/07/1988		CĐ Điều dưỡng đa khoa	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, TN011
39	LK1832X032	Nguyễn Văn Tân	ET1832X1	20/06/1988		CĐ Quân sự cơ sở, TC LLCT	TN033, TN034, ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
40	PY1832X033	Bùi Thị Ái Châu	ET1832X1	12/04/1985	N	ĐH Kế toán	TN033, TN034, XH023, ML006, ML009, ML010, ML011, TN011, XH028, SP009
41	PY1832X034	Đặng Văn Nhiên	ET1832X1	21/09/1970		Cao cấp LLCT	ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
42	LK1832X035	Nguyễn Thị Kim Diệu	ET1832X1	25/05/1980	N	B- Tin học, A- Anh văn, ĐH Khoa học cây trồng	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, SP009, XH028, TN011, SP009, ML009, ML010, ML006, ML011
43	LK1832X159	Đặng Phước Hiếu	EF1832X1	03/02/1983		TC Cảnh sát quản lý hành chính	ML009, ML010, SP009, KL101, KL303
44	LK1832X161	Nguyễn Thị Bích Hạnh	EF1832X1	09/02/1986	N	TC Hành chính văn phòng	TN033, TN034, XH023, XH024, TN011, ML009, KL301
45	GT1832X166	Huỳnh Thị Diễm Trinh	EF1832X1	03/01/1993	N	A- Tin học, B- Anh văn, TC LLCT	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025, ML006, ML009, ML010, ML011, KL101
46	GT1832X167	Lê Ngọc Bình	EF1832X1	02/01/1990		B- Tin học, B- Anh văn	TN033, TN034, XH023, XH024, XH025

Danh sách có 46 sinh viên

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TTLKĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Phạm Phương Tâm